

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2020/DS-ST**
Ngày: 20/8/2020
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích.

2. Ông Lê Quang Luân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/9/2019 và 20/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST - DS, ngày 05/3/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - DS, ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị O, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ma Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, Nguyên đơn là bà Nông Thị O trình bày:

Do quen biết và tin tưởng lẫn nhau giữa hai gia đình nên ngày 28/9/2013 bà có cho ông Ma Văn T vay số tiền là 135.000.000 đồng. Khi vay ông T là người viết giấy vay tiền, thời hạn vay 03 tháng, không lãi suất. Đến thời hạn trả nợ, sau nhiều lần bà yêu cầu thì ông T mới trả được tổng cộng 90.000.000 đồng, lần trả nợ cuối vào ngày 07/02/2016. Từ đó đến nay, bà tìm mọi cách liên lạc để yêu cầu ông T trả nốt số tiền còn lại là 45.000.0000 đồng nhưng ông T đều trốn tránh, không thanh toán nợ cho bà.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện ông Ma Văn T và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Ma Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai: Ngày 28/9/2013, ông có được vay của bà Nông Thị O số tiền 135.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 tháng. Sau đó, ông đã nhiều lần thanh toán cho bà O được số tiền là 90.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng do kinh tế khó khăn nên chưa trả nốt được. Ông nhất trí với việc khởi kiện của bà O và xác định đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 147, 161, 162, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị O, buộc ông Ma Văn T phải thanh toán cho bà Nông Thị O số tiền là 45.000.000 đồng; ông Ma Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Ma Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã P, huyện H nhưng cư trú và sinh sống tại thôn N, xã P, huyện H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Ma Văn T, ông T xác nhận tại biên bản lấy lời khai đã nhận được văn bản tố tụng (có sự chứng kiến của Trưởng thôn N). Bản thân ông T vẫn sinh sống tại thôn N, xã P, ông T vẫn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để nộp đơn thư yêu cầu giải quyết các vụ việc dân sự khác nhưng cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nông Thị O. Do đó, đây được xem là trường hợp đương sự trốn tránh nghĩa vụ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn là bà Nông Thị O xác định đã cho ông Ma Văn T vay số tiền 135.000.000 đồng và xuất trình chứng cứ, tài liệu là 01 giấy vay tiền ngày 28/9/2013 có chữ ký của ông Ma Văn T. Do ông T không ký biên bản lấy lời khai nên ngày 10/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền do bà O cung cấp với chữ ký, chữ viết của ông Ma Văn T tại các tài liệu thu thập trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 34/2018/TLST-DS, ngày 26/6/2018 giữa Nguyên đơn là bà Lý Thị C (địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H) với Bị đơn là ông Ma Văn T (địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh T), vụ án đã

được đưa ra xét xử vào ngày 12/10/2018 (gồm biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2018; biên bản hòa giải ngày 10/7/2018; biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 28/8/2018).

Tại kết luận giám định số 569/GĐ-KTHS, ngày 23/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ ký, chữ viết Ma Văn T trong giấy vay tiền ngày 28/9/2013 với chữ ký, chữ viết Ma Văn T trong biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2018; biên bản hòa giải ngày 10/7/2018; biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 28/8/2018 là do cùng một người ký và viết.

Như vậy, việc bà Nông Thị O cho ông Ma Văn T vay tiền là có thật, số tiền ông T còn nợ bà O là 45.000.000 đồng được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị O là có căn cứ và cần được chấp nhận nên buộc ông Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nông Thị O số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

[3] Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Ông Ma Văn T phải nộp án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho bà Nông Thị O; bà Nông Thị O không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị O đã yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Ma Văn T và đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Số tiền chi phí cho việc giám định là 3.750.000đ. Do yêu cầu của bà O được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chi phí giám định cho bà Nông Thị O là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 161, 162, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nông Thị O đối với ông Ma Văn T.

Buộc ông Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nông Thị O số tiền còn nợ là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) và 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (giám định chữ ký, chữ viết), tổng cộng là 48.750.000đ (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nông Thị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ma Văn T chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Ma Văn T phải chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nông Thị O không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002043, ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nông Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ma Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Cao Lâm - Dương Thị Sơn

Ma Thị Tuyết Mai

